

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 884/2019/DS-PT  
Ngày 08-10-2019  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Ngọc Thạch

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Tuyết Loan;

Ông Lại Huỳnh Tú.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 330/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3826/2019/QĐPT-DS ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định hoãn phiên tòa số 7865/2019/QĐ-PT ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1967;

Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1968.

Cùng cư trú tại: Số A Đường B, Khu phố C, Phường D, Quận Đ, Thành phố E.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Vĩnh P, sinh năm 1994; cư trú tại Số A1 Đường B1, Khu phố C1, Phường D1, Quận Đ, Thành phố E (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/02/2019).

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1960; cư trú tại Số A2 Đường B2, Khu phố C2, Phường D2, Quận Đ, Thành phố E.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Vũ Kim Đ, Luật sư của Công ty Luật TNHH VT.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn R, là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Kim X và người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13/11/2009, ông R và bà X có cho bà Trương Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC (giá trị tại thời điểm vay là 26.800.000 đồng) với lãi suất 3%/tháng. Thời điểm trả nợ là ngày 13/11/2010.

Do nhu cầu làm ăn, ngày 25/8/2010, bà Tươi tiếp tục vay của ông R, bà X số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng. Thời hạn trả nợ đến ngày 25/8/2011.

Tuy nhiên, kể từ khi hết thời hạn trả nợ, vợ chồng ông R, bà X đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không trả. Do đó, ông R, bà X yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị T phải trả một lần cho ông, bà toàn bộ số tiền nợ là 500.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC (giá trị tại thời điểm khởi kiện là 37.000.000 đồng). Tổng cộng là 537.000.000 đồng. Ông R, bà X không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị T trình bày:*

Bà có mượn của bà Nguyễn Thị Kim X số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy vay nợ viết tay. Ngoài ra, bà không vay mượn gì thêm và cũng không ký bất kỳ giấy vay tiền nào khác. Sau đó, do làm ăn thất bại nên bà không có tiền trả nợ cho bà X. Đối với khoản vay 01 lượng và SJC, số vàng này do bà X kêu bà đứng ra nhận giùm bà X, thực chất bà T không vay khoản này.

Đến năm 2015, bà X cho bà T trả mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả được 11 tháng, tương ứng với số tiền 16.500.000 đồng. Đến năm 2016, trả được 10 tháng, tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng. Đến năm 2017, trả được 10

tháng, tương ứng với số tiền 10.500.000 đồng. Đến năm 2018, bà X đồng ý cho bà T trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, đã trả được 4 tháng, tương ứng với số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng cộng bà T đã trả cho bà X số tiền là 46.000.000 đồng. Khi trả tiền, hai bên không ký nhận giấy tờ.

Nay bà X yêu cầu bà trả số tiền 537.000.000 đồng, bà T không đồng ý. Bà T xác định còn thiếu bà X số tiền 54.000.000 đồng, bà yêu cầu được trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim X, buộc bà Trương Thị T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim X số tiền nợ là 136.180.000 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*), thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/05/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, buộc bị đơn bà Trương Thị T và chồng bà T là ông N phải liên đới trả cho ông tổng số tiền nợ 536.000.000 đồng.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R do người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Vĩnh P trình bày nội dung kháng cáo: Yêu cầu buộc ông N chồng bà T chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà T trả nợ cho vợ chồng ông R, bà X, đồng thời đề nghị cho giám định chữ ký của bà T trong Giấy mượn vốn làm ăn ngày 25/8/2010; yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn bà Trương Thị T không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: các yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn R là không có căn cứ, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ để nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R, Viện kiểm sát xét thấy yêu cầu buộc ông N là chồng của bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là đã vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không có căn cứ để chấp nhận. Về khoản nợ 400.000.000 đồng thì Giấy mượn vốn làm ăn ngày 25/8/2010 được nguyên đơn thừa nhận là do nguyên đơn tự tay viết ra, việc sửa chữa nội dung, con số trong tờ giấy này cũng do chính nguyên đơn thực hiện nhưng không thể hiện có sự đồng ý, xác nhận của bị đơn; đồng thời bị đơn cũng hoàn toàn phủ nhận không biết gì về tờ giấy mượn vốn làm ăn này, đồng thời không thừa nhận chữ ký trong giấy mượn vốn mà nguyên đơn xuất trình làm căn cứ khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký của bà T trong giấy mượn vốn làm ăn ngày 25/8/2010, tuy nhiên xét thấy tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã từng đưa ra yêu cầu này và sau đó đã rút yêu cầu nên xét thấy không cần thiết phải giám định, mặt khác do tài liệu này đã bị nguyên đơn sửa chữa nội dung, con số như nguyên đơn đã thừa nhận nên tài liệu cũng không có giá trị chứng minh. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi khoản tiền 400.000.000 đồng của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn R.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng và một lượng vàng SJC theo giấy mượn tiền ngày 13/11/2009 giữa bà T và ông R, bà X đã được Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết, các bên không có kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2] Về việc ông Nguyễn Văn R kháng cáo yêu cầu buộc chồng bà Trương Thị T là ông N cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, xét thấy đây là yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện nên không được chấp nhận do tại

đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chỉ khởi kiện cá nhân bà Trương Thị T.

[3] Đối với khoản nợ 400.000.000 đồng theo giấy mượn vốn làm ăn ngày 25/8/2010 giữa bà T và ông R, bà X, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn R kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là tờ giấy viết tay ngày 25/8/2010 có nội dung ghi nhận bà Trương Thị T có mượn của bà Nguyễn Thị Kim X số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2%, thời hạn trả vốn và lãi là một năm kể từ ngày mượn. Giấy mượn vốn làm ăn có chữ ký của bên cho mượn tiền là ông R và bà X, bên mượn tiền là bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với Giấy mượn vốn làm ăn ngày 25/8/2010, ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim X cho rằng bà Trương Thị T đã vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn trả cả vốn lẫn lãi là một năm kể từ ngày mượn. Tuy nhiên, nội dung Giấy mượn vốn làm ăn bị chỉnh sửa mà không có sự thỏa thuận, đồng ý và xác nhận chịu trách nhiệm về hậu quả của việc sửa chữa này, ngoài ra nguyên đơn không cung cấp chứng cứ khác để chứng minh khoản tiền vay này. Phía bị đơn bà Trương Thị T trước sau đều không thừa nhận có vay số tiền 400.000.000 đồng, không xác nhận chữ ký trên giấy vay vốn làm ăn ngày 25/8/2010. Tòa án đã giải thích cho các bên về việc giám định chữ ký nhưng các bên không yêu cầu. Việc sửa chữa chữ viết và số tiền không có ký xác nhận của bên vay tại phần sửa và bên vay không công nhận việc sửa chữa này. Do đó Giấy vay vốn làm ăn ngày 25/8/2010 do nguyên đơn xuất trình không có giá trị chứng minh; yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả khoản nợ mượn vốn làm ăn 400.000.000 đồng là không có cơ sở để được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo ông Nguyễn Văn R phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày: 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim X:

Buộc bà Trương Thị T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim X số tiền nợ là 136.180.000 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thi hành tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.809.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm lẻ chín ngàn đồng*).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.041.000 đồng (*Hai mươi triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.740.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng*) ông R và bà X đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0016034 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 30/01/2019. Ông R và bà X phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 7.301.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm lẻ một ngàn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn R phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0016365 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông R đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND Quận 2;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Ngọc Thạch**